

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 27 – 4 – 2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung, phân chia nghĩa vụ trả nợ
chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KỲ ANH, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Ngọc Tùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Trinh

Ông Nguyễn Tiến Thi

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Hoài Thanh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Xuân Lĩnh – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2017/TLST – HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung, phân chia nghĩa vụ trả nợ chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Thị H

Sinh ngày: 21 – 11 – 1982

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Bị đơn: Anh Trần Văn L

Sinh ngày: 24 – 4 – 1976

Địa chỉ cư trú: Thôn M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ giao dịch: Khối phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thành N – Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

(Quyết định ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25 – 11 – 2016 của Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội và Quyết định ủy quyền số 81/QĐ-NHCS ngày 14 – 5 – 2017 của Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hà Tĩnh).

Có mặt.

2. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn

Địa chỉ giao dịch: Khối phố H, phường T, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quang T – Chức vụ: Phó giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

(Quyết định ủy quyền số 510/QĐ-HĐTV-PC ngày 19 – 6 – 2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn và Quyết định ủy quyền số: 08/QĐ – NHNNH.KA – GD ngày 04 – 01 – 2018 của giám đốc Chi nhánh Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện K, tỉnh Hà Tĩnh).

Vắng mặt (Có đơn đề nghị xử vắng mặt).

3. Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm

Địa chỉ: Xóm M, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Văn S – Giám đốc Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm.

Có mặt.

4. Ông Mai Xuân Kh

Sinh ngày: 25 – 5 – 1961

Địa chỉ: Xóm 2, xã S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 – 7 – 2017, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Phan Thị H, bị đơn là anh Trần Văn L trình bày thống nhất như sau:

Chị H đăng ký kết hôn với anh L tại Ủy ban nhân dân xã Kỳ S, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh vào ngày 31 – 10 – 2005. Sau khi kết hôn đời sống chung vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, thường xuyên tranh chấp, cãi vã, anh L đã nhiều lần đánh chị H, có lần đánh gây thương tích phải đi viện, từ tháng 2 năm 2018 chị H đã bỏ đi làm công nhân xa nhà ly thân với anh L, chỉ thỉnh thoảng về thăm con. Theo chị H thì nguyên nhân do anh L không quan tâm đến gia đình, ham mê bia rượu, bài bạc, bản tính vũ phu, còn theo anh L nguyên nhân do chị H thường tự làm mọi việc theo ý mình, không tuân theo mong muốn, yêu cầu của chồng, tự ý đầu tư buôn bán dẫn đến thua lỗ, vi phạm pháp luật phải đi tù.

Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Trần Đức Q, sinh ngày 24 – 7 – 2007 và Trần Thị V, sinh ngày 20 – 10 – 2010. Hiện nay 2 con đang ở với anh L. Theo chị H thì hiện tại chị đang làm công nhân tạp vụ cho một doanh nghiệp tại khu kinh tế Vũng Áng tỉnh Hà Tĩnh, thu nhập ổn định hơn 5.000.000đ mỗi tháng, đủ khả năng để nuôi dưỡng hai con mà không cần anh L phải đóng góp thêm. Theo anh L thì anh làm nghề lao động tự do, thu nhập không ổn định.

Chị H, anh L và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm, ông Mai Xuân Kh còn trình bày thống nhất vợ chồng chị H – anh L có một số khoản nợ chung bao gồm:

- Ngày 24 – 5 – 2016, chị H và anh L vay Ngân hàng chính sách xã hội 25.000.000đ, lãi suất trong hạn 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn 0,715%/tháng, hạn trả ngày 10 – 05 – 2021, đến ngày xét xử (27 – 4 – 2018) còn nợ 25.000.000đ tiền gốc và 2.213.918đ tiền lãi.

- Ngày 03 – 8 – 2011, chị H và anh L vay Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn 50.000.000đ, lãi suất trong hạn 13%/năm và được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, hiện tại đã điều chỉnh giảm xuống 7%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hạn trả nợ là ngày 03 – 8 – 2012, được gia hạn đến ngày 5 – 8 – 2014 (Đã quá hạn), đến ngày xét xử (27 – 4 – 2018) còn nợ 49.975.000đ tiền gốc và 15.393.000đ tiền lãi.

- Ngày 19 – 12 – 2016, vợ chồng chị H và anh L vay nợ Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm số tiền 19.000.000đ, lãi suất trong hạn 1%/tháng và được điều chỉnh phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và Quỹ tín dụng nhân dân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay 12 tháng (Đã quá hạn), đến ngày xét xử (27 – 4 – 2018) còn nợ 19.000.000đ tiền gốc và 3.461.000đ tiền lãi.

- Ngày 25 – 12 – 2011, vợ chồng anh Trần Văn L và chị Phan Thị H vay ông Mai Xuân Kh số tiền 30.000.000đ, lãi suất 4%/tháng, thời hạn vay 1 tháng

(Đã quá hạn), đến ngày xét xử (27 – 4 – 2018) còn nợ 30.000.000đ tiền gốc và toàn bộ tiền lãi phát sinh từ ngày vay.

Để chứng minh cho lời trình bày của mình, chị H đã nộp trích lục kết hôn giữa chị H và anh L, bản sao sổ hộ khẩu gia đình chị H và anh L, trích lục khai sinh của con Trần Thị V và con Trần Đức Q; Ngân hàng chính sách xã hội đã nộp bản y sao hồ sơ vay và trả nợ của vợ chồng chị H và anh L bao gồm giấy đề nghị vay vốn, sổ vay vốn (kiêm hợp đồng tín dụng), sổ lưu tờ rời theo dõi việc giải ngân cho vay và trả nợ; Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn đã nộp bản y sao hồ sơ vay và trả nợ của vợ chồng chị H và anh L gồm giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn, phiếu xếp loại khách hàng vay vốn, sổ vay vốn (kiêm hợp đồng tín dụng), biểu tính lãi, các thông báo điều chỉnh suất vay, các tờ rời theo dõi lịch sử giải ngân cho vay và trả nợ, các biên bản kiểm tra sau khi cho vay, các giấy đề nghị gia hạn nợ gốc, nợ lãi, các biên bản làm việc đôn đốc trả nợ; Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm đã nộp bản y sao hồ sơ vay và trả nợ của vợ chồng chị H – anh L gồm giấy đề nghị vay vốn, báo cáo thẩm định điều kiện cho vay, hợp đồng tín dụng kèm theo phụ lục theo dõi giải ngân cho vay và trả nợ; ông Kh nộp bản sao có chứng thực giấy vay tiền của chị H và anh L. Còn anh L không nộp tài liệu, chứng cứ nào.

Cháu Trần Thị V và cháu Trần Đức Q nộp đơn trình bày nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, chị H và anh L thuận tình ly hôn, thống nhất thỏa thuận giao hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

Về nợ:

Trong đơn khởi kiện, trong các bản khai, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Chị H và anh L thỏa thuận giao cho chị H trả tất cả các khoản nợ sau khi vợ chồng ly hôn. Thỏa thuận của chị H và anh L chỉ được Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm chấp thuận (đối với khoản nợ của Quỹ), còn các chủ nợ khác (Ngân hàng chính sách xã hội, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, ông Mai Xuân Kh) không chấp thuận và yêu cầu phải giao cho cả chị H và anh L đều phải chia sẻ nghĩa vụ trả mỗi khoản nợ của các chủ nợ này để giảm bớt rủi ro cho các chủ nợ.

Tuy nhiên tại phiên tòa giữa chị H, anh L, Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh đạt được thỏa thuận theo đó giao cho chị H trả 3 khoản nợ, bao gồm cả tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm cho 3 chủ nợ: Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân

dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh. Ông Khiêm thỏa thuận không lấy nợ số tiền lãi phát sinh từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Riêng khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, giữa chị H và anh L đạt được thỏa thuận mới theo đó giao cho chị H, anh L mỗi người trả một nửa, còn người đại diện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tuy không có mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi đến trong đó tiếp tục giữ nguyên yêu cầu ban đầu là giao cho cả chị H và anh L đều phải chia sẻ nghĩa vụ trả khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (để giảm bớt rủi ro cho Ngân hàng).

Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu quan điểm giải quyết vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát có ý kiến quá trình thụ lý, xây dựng hồ sơ vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa Thẩm phán, các vị Hội thẩm nhân dân, Thư ký được phân công tiến hành tổ tụng giải quyết vụ án, nguyên đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tổ tụng dân sự, còn bị đơn chưa chấp hành nghiêm túc các giấy triệu tập làm việc của Tòa án. Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Khoản 6, 8 Điều 26, các Điểm a, e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo; Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị H và anh L;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H và anh L về việc giao hai con chung cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được phép ngăn cấm, cản trở.

- Công nhận sự thỏa thuận giữa chị H, anh L, Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh về việc giao cho chị H trả 3 khoản nợ, bao gồm cả tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm cho 3 chủ nợ: Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh.

- Xử giao cho chị H, anh L mỗi người phải trả một nửa khoản nợ, bao gồm cả tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn.

- Xử buộc chị H, anh L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tình cảm: Sau khi kết hôn đời sống chung vợ chồng chị H – anh L không hạnh phúc, thường xuyên bất đồng quan điểm, mâu thuẫn cãi vã, không thể hợp tác. Anh L đã bỏ bê gia đình, sa đà vào rượu chè, cờ bạc và nhiều lần sử dụng vũ lực với vợ, còn chị H đơn phương bỏ đi làm công nhân xa nhà, không giữ liên lạc với chồng. Mâu thuẫn vợ chồng do đó không thể giải quyết được, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay vợ chồng thuận tình ly hôn, căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn của vợ chồng.

[2]. Về con: Chị H có thu nhập ổn định, đủ khả năng về kinh tế để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, còn anh L lao động tự do, thu nhập không ổn định nên khả năng trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hạn chế. Sự thỏa thuận của anh L và chị H về việc giao cả hai con con cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục phù hợp với nguyện vọng của hai con và đảm bảo được quyền lợi mọi mặt của hai con, do đó căn cứ vào các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này. Anh L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom hai con, chị H và các thành viên trong gia đình chị H không được ngăn cấm, cản trở. Chị H không yêu cầu anh L phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, miễn xét.

[3]. Về nợ:

Sự thỏa thuận giữa chị H, anh L với Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh về việc giao cho chị H trả 3 khoản nợ cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm của các chủ nợ: Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm và ông Mai Xuân Kh là tự nguyện, phù hợp với Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình cho nên được công nhận. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách xã hội thì tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm (27 – 4 – 2018) được tính căn cứ vào lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,715%/tháng. Đối với khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm, căn cứ vào Án lệ số 08/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 – 5 – 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17 – 10 – 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao thì tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm được tính căn cứ vào lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 1%/tháng và được điều chỉnh phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và Quỹ tín dụng nhân dân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Đối với khoản nợ vay ông Mai Xuân

Kh, các bên đã thỏa thuận mức lãi suất 4%/tháng là vượt quá mức lãi suất trần bị không chế theo quy định tại Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự năm 2005 và Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm được tính theo lãi suất 20%/năm để phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 (đang có hiệu lực hiện hành).

Khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, chị H, anh L thỏa thuận mỗi người trả một nửa. Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn tuy không có mặt tại phiên tòa để tham gia thỏa thuận nhưng có đơn đề nghị xử vắng mặt gửi đến trong đó tiếp tục nêu ý kiến phải giao cho cả hai vợ chồng cùng chia sẻ nghĩa vụ trả khoản nợ này (để giảm bớt rủi ro cho Ngân hàng). Căn cứ vào ý kiến của ba bên và Điều 60 của Luật hôn nhân và gia đình thì cần xử giao cho chị H, anh L mỗi người phải trả một nửa khoản nợ của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, tức là mỗi người phải trả 24.987.500đ tiền gốc và 7.696.500đ tiền lãi cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm tương ứng với số tiền gốc được giao trả nợ và được tính căn cứ vào lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là 7%/năm được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn (Việc điều chỉnh lãi suất căn cứ vào án lệ số 08/AL tương tự như khoản nợ của Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm).

Như vậy tổng số nợ chị H phải trả cả gốc và lãi là 112.358.918đ (chưa tính lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm), số nợ anh L phải trả cả gốc và lãi là 32.684.000đ (chưa tính lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm).

[4]. Về tài sản: Chị H và anh L không yêu cầu Tòa án phân chia, miễn xét.

[5]. Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, các Khoản 6, 8 Điều 26, các Điểm a, e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo thì:

- Chị H là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, cho nên phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Chị H phải chịu án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ là $5\% \times 112.358.918\text{đ} = 5.618.000\text{đ}$, anh L phải chịu án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ là $5\% \times 32.684.000\text{đ} = 1.634.000\text{đ}$.

- Chị H được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn được trả lại 1.250.000đ, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm được trả lại 475.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, chị H, anh L, người đại diện Ngân hàng chính sách xã hội, người đại diện Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm, ông Khiêm có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người đại diện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

+ Điều 147, Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Khoản 6, 8 Điều 26, các Điểm a, e Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

+ Điều 55, Điều 60, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

+ Án lệ số 08/AL về xác định lãi suất, việc điều chỉnh lãi suất trong hợp đồng tín dụng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm được lựa chọn từ Quyết định giám đốc thẩm số 12/2013/KDTM-GĐT ngày 16 – 5 – 2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao và được công bố theo Quyết định số 689/QĐ-CA ngày 17 – 10 – 2016 của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị H và anh Trần Văn L;

- Công nhận sự thỏa thuận giao con Trần Đức Q – Sinh ngày 24 – 7 – 2007 và con Trần Thị V – Sinh ngày 20 – 10 – 2010 cho chị Phan Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Văn L có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom các con chung, chị Phan Thị H và các thành viên trong gia đình chị Phan Thị H không được ngăn cấm, cản trở. Anh Trần Văn L không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị Phan Thị H.

- Công nhận sự thỏa thuận giao cho chị Phan Thị H thực hiện nghĩa vụ trả các khoản nợ bao gồm:

+ Khoản nợ Ngân hàng chính sách xã hội 25.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc và 2.213.918đ (Hai triệu hai trăm mười ba nghìn chín trăm mười tám đồng) tiền lãi cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm 27 – 4 – 2018, lãi suất trong hạn là 0,55%/tháng, lãi suất quá hạn là 0,715%/tháng.

+ Khoản nợ Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) tiền gốc và 3.461.000đ (Ba triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền lãi cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm 27 – 4 – 2018, lãi suất

trong hạn là 1%/tháng được điều chỉnh phù hợp với cơ chế điều hành lãi suất của Ngân hàng Nhà nước và Quỹ tín dụng nhân dân, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

+ Khoản nợ ông Mai Xuân Kh 30.000.000đ tiền gốc cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm 27 – 4 – 2018, lãi suất 20%/năm.

- Xử giao cho chị Phan Thị H thực hiện nghĩa vụ trả một nửa khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, số tiền phải trả là 24.987.500đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng) tiền gốc và 7.696.500đ (Bảy triệu sáu trăm chín sáu nghìn năm trăm đồng) tiền lãi cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm 27 – 4 – 2018 tương ứng với số tiền gốc được giao trả nợ, lãi suất trong hạn là 7%/năm được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Xử giao cho anh Trần Văn L thực hiện nghĩa vụ trả một nửa khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, số tiền phải trả là 24.987.500đ (Hai mươi bốn triệu chín trăm tám bảy nghìn năm trăm đồng) tiền gốc và 7.696.500đ (Bảy triệu sáu trăm chín sáu nghìn năm trăm đồng) tiền lãi cùng tiền lãi phát sinh thêm sau ngày xét xử sơ thẩm 27 – 4 – 2018 tương ứng với số tiền gốc được giao trả nợ, lãi suất trong hạn là 7%/năm được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Về án phí:

+ Buộc chị Phan Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, 5.618.000đ (Năm triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ, tổng cộng là 5.918.000đ (Năm triệu chín trăm mười tám nghìn đồng), nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005166 ngày 18 – 12 – 2017, còn lại 5.618.000đ (Năm triệu sáu trăm mười tám nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm chị Phan Thị H phải nộp tiếp.

+ Buộc anh Trần Văn L phải chịu 1.634.000đ (Một triệu sáu trăm ba tư nghìn đồng) án phí phân chia nghĩa vụ trả nợ.

+ Trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005190 ngày 7 – 02 – 2018.

+ Trả lại cho Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm 475.000đ (Bốn trăm bảy lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005188 ngày 7 – 02 – 2018.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Phan Thị H, anh Trần Văn L, Ngân hàng chính sách xã hội, Quỹ tín dụng nhân dân Sơn Lâm, ông Mai Xuân Kh được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

Nơi nhận:

- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- Những người có QL, NV liên quan;
- VKS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Chi cục THADS huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng nghiệp vụ TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND xã S, tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Ngọc Tùng